

Bản án số: 109/2022/HNGĐ - ST

Ngày 15 – 8 – 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
Không tham gia.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/QĐST – DS ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 13/6/2022)

Nơi cư trú: ấp BA, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AHB, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh Đ cưới nhau năm 1999, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân từ tháng 01/2022 đến nay.

Nguyên nhân mất hạnh phúc là do mâu thuẫn gia đình và về kinh tế, anh Đ không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị H không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị H và anh Đ có 02 con chung tên Lê Ngọc Tú N, sinh năm 2000 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2008 hiện đang sống chung với anh Đ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh Đ; cháu Lê Ngọc Tú N đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết, chị H yêu cầu nuôi cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2008, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Anh Lê Minh Đ đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 13/6/2022; bị đơn là anh Lê Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H, anh Đ sống chung với nhau trên sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125 ngày 23/9/2009, cho thấy hôn nhân giữa chị H, anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh Đ sống chung với nhau được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn gia đình và về kinh tế, anh Đ không lo làm ăn để chăm lo cho vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân tháng 01/2022 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân chị H, anh Đ không quan tâm, liên lạc với nhau và không tự đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết yêu cầu ly hôn. Phía anh Đ không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh Đ đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị H, anh Đ có 02 con chung tên Lê Ngọc Tú N, sinh năm 2000 và Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2008, hiện cháu T đang sống chung với anh Đ. Cháu N đã trưởng thành, chị H không yêu cầu. Chị H yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 05/5/2022 cháu T có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N_o 0010737 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị H không phải nộp thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 14/02/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lê Ngọc Tú N, sinh năm 2000 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N0010737 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, chị H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo thời hạn 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo